Chi tiết mã HS 3702.31.00

Mã HS	3702.31.00
Mô tả hàng hóa	Phim để tạo ảnh ở dạng cuộn, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng, bằng vật liệu bất kỳ trừ giấy, bìa hoặc vật liệu dệt; phim in ngay ở dạng cuộn, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng / - Phim loại khác, không có dãy lỗ kéo phim, có chiều rộng không quá 105 mm: / - - Dùng cho ảnh màu (đa màu)
Đơn vị	cuộn
Thời điểm tạo	11/11/2026 14:37:17
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/37023100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5220
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5220
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5220
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5099
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5060
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5060
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5060
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5060
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5060
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5060
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E5104
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5104
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5104
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5104

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5104
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5104
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2.5	VJ!E5102
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	1	VJ!F5102
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5102
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5102
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5102
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5102
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5102
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5066
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5062
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5062
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5062
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5062
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5062
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5062
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5071
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5071
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5071
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5071
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5071
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5071
VCFTA	2022	2022	3	VC!D5109
VCFTA	2023	2023	1	VC!E5109
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5109
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5109

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5109
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5109
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5106
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5106
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5106
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5106
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5106
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5106
AHKFTA	2022	2022	5	AKH!D5114
AHKFTA	2023	2023	5	AKH!E5114
AHKFTA	2024	2024	5	AKH!F5114
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G5114
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H5114
AHKFTA	2027	2027	5	AKH!I5114
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D5085
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E5085
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F5085
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5085
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5085
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5085
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D5087
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E5087
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F5087
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5087
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5087
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5087

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5085
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5085
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5085
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5085
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5085
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5085
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5085
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5106
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5106
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5106
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5106
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5106
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5106
RCEP B	2022	2022	0	B!D5106
RCEP B	2023	2023	0	B!E5106
RCEP B	2024	2024	0	B!F5106
RCEP B	2025	2025	0	B!G5106
RCEP B	2026	2026	0	B!H5106
RCEP B	2027	2027	0	B!I5106
RCEP C	2022	2022	0	C!D5106
RCEP C	2023	2023	0	C!E5106
RCEP C	2024	2024	0	C!F5106
RCEP C	2025	2025	0	C!G5106
RCEP C	2026	2026	0	C!H5106
RCEP C	2027	2027	0	C!I5106
RCEP D	2022	2022	0	D!D5106

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E5106
RCEP D	2024	2024	0	D!F5106
RCEP D	2025	2025	0	D!G5106
RCEP D	2026	2026	0	D!H5106
RCEP D	2027	2027	0	D!I5106
RCEP E	2022	2022	0	E!D5109
RCEP E	2023	2023	0	E!E5109
RCEP E	2024	2024	0	E!F5109
RCEP E	2025	2025	0	E!G5109
RCEP E	2026	2026	0	E!H5109
RCEP E	2027	2027	0	E!I5109
RCEP F	2022	2022	0	F!D5106
RCEP F	2023	2023	0	F!E5106
RCEP F	2024	2024	0	F!F5106
RCEP F	2025	2025	0	F!G5106
RCEP F	2026	2026	0	F!H5106
RCEP F	2027	2027	0	F!I5106
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F4703
VIFTA	2025	2025	4	VI!G4703
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H4703
VIFTA	2027	2027	3	VI!I4703

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (5%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 5%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3702.31.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3702.31.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5220), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.